TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 322/2019/QĐST-HNGĐ	*Hạ Long, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 505/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn N1**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 54, khu 5, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 13, khu 2, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 54, khu 5, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: Tổ 13, khu 2, phường H, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Bùi Văn N1 và chị Nguyễn Thị N2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn anh Bùi Văn N1 và bị đơn chị Nguyễn Thị N2 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là: Bùi Anh K, sinh ngày 30/10/2012. Khi ly hôn, chị N2 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N1 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Anh Bùi Văn N1 và chị Nguyễn Thị N2 không có tài sản chung. Đến nay anh chị không vay nợ chung đối với tổ chức, cá nhân nào. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Bùi Văn N1 tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh N1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001649 ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Anh Bùi Văn N1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP. Hạ Long;
- THADS TP. Hạ Long;
- UBND phường H,
TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trọng Hiệp